

BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÌNH TOÀN

(Bản hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC, ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính)

(According to Circular No 67/2023/TT-BTC, ngày 02/11/2023 of MOF)

Mẫu số 14 - PNT
(Bản hành kèm theo Thông tư
số 67/2023/TT-BTC,
ngày 02/11/2023 của Bộ Tài

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ: Công ty TNHH bảo hiểm Samsung Vina / Samsung Vina Insurance Co., Ltd
- Báo cáo năm 2025 từ 01/01/2025 đến 31/12/2025/Time: FY 2025 from 01st Jan 2025 to 31th Dec 2025

1. BẢO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM (PRODUCTS REPORT)

1. Báo cáo về việc tính toán phí bảo hiểm và tham gia xây dựng quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm trong kỳ báo cáo (calculation for direct premium and process of product in report period)

Trong kỳ báo cáo từ 01/01/2025 đến 31/12/2025, Công ty đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

a. Về việc tính toán phí bảo hiểm (Pricing)

Chúng tôi đã tính toán phí bảo hiểm dựa trên các yếu tố sau đây:

Sản phẩm Bảo hiểm sức khỏe: Bảo hiểm Tai Nạn Con Người - Mức Trách Nhiệm Cao. Đây là sản phẩm công ty đã bán trong hơn 10 năm qua và được trả soát đáng kể từ phương pháp cơ sở tính phí theo Điều 32, Khoản 6 của Nghị định 46/2023/NĐ-CP.

Trong đó, Tỷ lệ rủi ro được tính bằng tần suất xuất hiện rủi ro = Số người gặp rủi ro / Tổng số người tham gia bảo hiểm. Tỷ lệ rủi ro này dựa trên số liệu từ hồ sơ kế của doanh nghiệp trong 10 năm và có độ chính xác cao do dữ liệu về số liệu thống kê của Bộ Y tế Việt Nam trong công trình nghiên cứu. "Thước đo tương đương tài sản thương tích tại Việt Nam gần đây"

b. Về việc xây dựng quy tắc, điều khoản (Terms & Conditions)

Trong kỳ báo cáo năm 2025, Công ty không có xây dựng và bổ sung quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm

c. Kết luận của Chuyên gia tình toán

Tôi xác nhận rằng: Phí bảo hiểm của các sản phẩm trên khai trong kỳ được tính toán trên cơ sở dữ liệu tin cậy, tuân thủ các quy định về tài chính của Bộ Tài chính và đảm bảo khả năng chi trả của doanh nghiệp. Quy tắc và điều khoản sản phẩm đã được thiết kế chặt chẽ, phản ánh đúng giá trị rủi ro đã được tính toán trong phí.

During the reporting period from January 1st, 2025 to December 31st, 2025, the Appointed Actuary performed the following specific duties:

a. Regarding Premium Calculation (Pricing)

The Appointed Actuary approved the technical basis and premium formulas for the following products:

Health Insurance Product - "Personal Accident Insurance - High Limit of Liability". This is a long-standing product that the Company has distributed for over 10 years. In the reporting period, its pricing methodology and technical basis were reviewed and re-registered in accordance with Clause 6, Article 32 of Decree No. 46/2023/ND-CP.

Methodology: The risk rate is determined by the Risk Frequency = Number of Incidents / Total Number of Insureds. This risk rate is derived from the Company's internal statistics over the past 10 years, cross-referenced with the Ministry of Health's statistical data from the research project. "Current Status of Mortality caused by Accidents and Injuries in Vietnam, 2012-2022".

b. Regarding Product Terms and Conditions

In the 2025 reporting period, the Company did not develop or supplement the terms and conditions for any insurance products.

c. Actuary's Conclusion

I hereby confirm that: The insurance premiums for products deployed during the period were calculated based on reliable data, in compliance with the financial regulations of the Ministry of Finance, and ensure the Company's solvency.

The product terms and conditions have been rigorously designed to accurately reflect the risk assumptions incorporated in the premium calculations.

2. Đánh giá chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai của từng sản phẩm (Difference between calculation premium and actual)

Trong kỳ báo cáo năm 2025, Chuyên gia tình toán đã thực hiện đánh giá sự chênh lệch giữa các giả định kế hoạch (khi đăng ký sản phẩm) và số liệu thực tế triển khai, cụ thể:

a. Tỷ lệ rủi ro (Risk Frequency)

• Giả định tính phí: Tỷ lệ rủi ro giả định cho sản phẩm "Bảo hiểm Tai Nạn Con Người - Mức Trách Nhiệm Cao" cho 3 điều kiện A, B, C lần lượt là 0.09%, 1.08%, 1.334%.

• Thực tế triển khai: Tỷ lệ rủi ro thực tế ghi nhận là 0.083%, 1.03%, 1.3%.

• Đánh giá: Chênh lệch 0 mức thấp (dưới 10%). Giả định tính phí vẫn đảm bảo tính thận trọng và an toàn tài chính.

b. Tỷ lệ chi phí quản lý (Expense Ratio)

• Giả định tính phí: Chi phí quản lý dự kiến chiếm 10% phí bảo hiểm thuần.

• Thực tế triển khai: Chi phí quản lý thực tế ghi nhận chỉ chiếm 10.2% phí bảo hiểm thuần.

• Đánh giá: Chênh lệch 0 mức thấp (dưới 10%). Giả định tính phí vẫn đảm bảo tính thận trọng và an toàn tài chính.

c. Tỷ lệ bồi thường và tỷ lệ hỗn hợp (Loss Ratio & Combined Ratio)

• Kết quả: Tỷ lệ bồi thường thực tế của các nhóm sản phẩm sức khỏe ra soát trong năm 2025 là 59%. Tỷ lệ hỗn hợp là 69.2%. Công ty có lợi từ nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

• Kết luận: Các giả định tính phí hiện tại vẫn phù hợp và vẫn phù hợp với đặc thù rủi ro của thị trường và danh mục khách hàng của Công ty. Không cần thiết phải điều chỉnh biểu phí ngay lập tức.

In the 2025 reporting period, the Appointed Actuary performed an assessment of the discrepancies between technical pricing assumptions (at the time of product registration) and actual operational data, specifically:

a. Risk Frequency
Pricing Assumption: The assumed risk frequencies for the "Personal Accident Insurance - High Limit of Liability" product across conditions A, B, and C were 0.09%, 1.08%, and 1.334%, respectively.

Actual Experience: The recorded actual risk frequencies were 0.083%, 1.03%, and 1.3%.

Assessment: The variance is minimal (under 10%). The pricing assumptions remain prudent and ensure financial safety.

b. Expense Ratio

Pricing Assumption: The expected management expense ratio was set at 10% of the net premium.

Actual Experience: The actual expense ratio was 10.2%, which is closely aligned with the initial assumption.

Assessment: The variance is minimal (under 10%). The pricing assumptions remain prudent and ensure financial safety.

c. Loss Ratio & Combined Ratio
Results: The actual loss ratio for the reviewed health insurance product groups in 2025 was 59%. The combined ratio was 69.2%.

⇒ The Company generated an underwriting profit from the health insurance business.

Conclusion: The current pricing assumptions remain appropriate for the market risk profile and the Company's customer portfolio. No immediate premium rate adjustments are necessary.

II. BÁO CÁO VIỆC TRÍCH LẬP DƯ PHÒNG NGHIỆP VU BẢO HIỂM THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT (PROVISION FOLLOWING THE LAW)

Báo cáo chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và kết quả trích lập, đảm bảo phản ánh chính xác, đầy đủ trích nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài theo quy định pháp luật.

Provide full information about the method of technical reserves the insurers established and the results they implemented correctly and fully by laws

2.1 Báo cáo chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định pháp luật

Reporting the establishment method of technical reserves by laws

Theo công văn số 867/BTC-QLBH ngày 22/01/2025 của Bộ Tài Chính về việc ghi nhận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ của Công Ty như sau:

Under official letter No. 867/BTC-QLBH ngày 22/01/2025 of Ministry of Finance regarding to establishment of technical reserves the establishment of Company will be implemented as follows:

2.1.1 Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

For non-life insurance products

a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Unearned Premium Reserve (UPR)

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc, nghiệp vụ tái bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm, nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm tạm thời và nhượng lại bảo hiểm của nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm tạm thời

Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/24 theo quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

For direct insurance establishment and ceding of direct business, inward facultative and retrocession of inward facultative

Method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy. On daily basis pursuant to Point c, Clause 2 of Article 35 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

- Đối với nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm cổ định và nhượng lại bảo hiểm của nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm cổ định

For inward treaty and retrocession of inward treaty

Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/24 theo quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC.

Method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy. The 1/24 Method pursuant to Point b, Clause 2 of Article 35 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

b) Dự phòng bồi thường

Indemnity Reserves

Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số yêu cầu bồi thường, gồm 2 loại dự phòng như sau:

Method of reserve establishment based on claim files and included two types as follows:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trước nhiệm trích nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết. Trích lập theo quy định tại Điều a khoản 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

For O S reserve, it is based on formal pursuant to Point a, clause 1 of Article 36 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trước nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa xác định bồi thường. Trích lập theo công thức quy định tại Điều b khoản 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

For IBNR reserve, it is based on formula stipulated in Point b, clause 1 of Article 36 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

c) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất

Catastrophe reserve

Mức trích lập hàng năm là 3% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Mức này được quy định tại Điều b khoản 1 điều 37 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

3% of net retained premium for each class.

2.1.2 Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

For health insurance products

a) Dự phòng phí chưa được hưởng

Unearned Premium Reserve (UPR)

Dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

It is applied to policies having insured period one year or below.

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc, nghiệp vụ tái bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm, nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm tạm thời và nhượng lại bảo hiểm của nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm tạm thời

Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày theo quy định tại Điều c, Khoản 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

For direct insurance business and ceding of direct business, inward facultative and retrocession of inward facultative

Method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy. On daily basis pursuant to Point c, Clause 2 of Article 35 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

- Đối với nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm cổ định và nhượng lại bảo hiểm của nghiệp vụ nhân tái bảo hiểm cổ định

For inward treaty and retrocession of inward treaty

Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp 1/24 theo quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

Method of reserve establishment based on a coefficient of period of insurance policy. The 1/24 Method pursuant to Point b, Clause 2 of Article 35 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

b) Dự phòng bồi thường

Indemnity reserve

Áp dụng phương pháp trích lập theo hệ số yêu cầu bồi thường, gồm 2 loại dự phòng như sau:

Method of reserve establishment based on claim files and included two types as follows:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trước nhiệm trích nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết. Trích lập theo quy định tại Điều a khoản 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

For O S reserve, it is based on formal pursuant to Point a, clause 1 of Article 36 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trước nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa xác định bồi thường. Trích lập theo công thức quy định tại Điều b khoản 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

For IBNR reserve, it is based on formula stipulated in Point b, clause 1 of Article 36 of Circular No. 67/2023 TT-BTC

d) Dự phòng đảm bảo cân đối

Cauteristic reserve

Mức trích lập hàng năm là 3% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Mức này được quy định tại Điều b khoản 1 điều 37 Thông tư số 67/2023/TT-BTC

3% of total retained premium of health insurance product

2.2 Báo cáo kết quả trích lập

Result of establishment of technical reserves

Theo số tiền dự phòng tại bảng S-PNT (following data from SPNT)

Tổng dự phòng nghiệp vụ của công ty tính theo phương pháp đã đăng ký với BTC năm 2023 là 123.635 tỷ VND giảm 0.991 tỷ so với năm 2024

Total technical reserve in 2023 follow method registered to MOF is 123.635 Billion VND, decrease 0.991 Billions compared with 2024

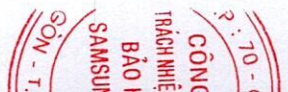
Trong đó chủ yếu là phần dự phòng bồi thường giảm 4.308 tỷ VND (tăng dự phòng phí 1.543 tỷ, & tăng dự phòng bồi thường cho các dao động lớn CAT 1.774 tỷ

In which claim reserve decrease 4.308 Billions (2024 claim liability due to Y age storm) UPR increase 1.543 billions, & CAT reserve increase 1.774 Billions VND

Kết quả tính toán dự phòng là phù hợp so sánh với các phương pháp trích lập dự phòng khác như phương pháp hệ số bồi thường

EVT : Triệu VND

SIT/ no.	Nghệp vụ bảo hiểm business line	Phí bảo hiểm chưa hưởng premium	Dự phòng phí chưa được hưởng/ premium	Dự phòng bồi thường/ claim reserve				Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn CAT reserve	Tổng cộng dự phòng nghiệp vụ/ total
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A.	Dự phòng bồi thường/ reserve	2.982	(22)	3.0	3.3	(37)	53	89	62
B.	Dự phòng bồi thường/ reserve	2.952	(22)	3.0	3.3	(37)	53	89	62
C.	Dự phòng bồi thường/ reserve	56,933	1,865	(4,375)	(929)	(4,304)	1,686	1,686	(1,053)
D.	Dự phòng bồi thường/ reserve	7,507	(375)	(3,541)	(399)	(3,540)	225	225	(6,090)
E.	Dự phòng bồi thường/ reserve	7,231	(10)	(0)	18	18	7	7	13
F.	Dự phòng bồi thường/ reserve	7,236	(344)	(5,541)	(417)	(5,538)	218	218	(6,090)
G.	Dự phòng bồi thường/ reserve	22,609	(470)	13,864	(13)	13,779	680	680	13,979
H.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
I.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
J.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
K.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
L.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
M.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
N.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
O.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
P.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
Q.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
R.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
S.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
T.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
U.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
V.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
W.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
X.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
Y.	Dự phòng bồi thường/ reserve								
Z.	Dự phòng bồi thường/ reserve								



- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C)
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D)
- Số sinh C và D theo số tuyệt đối và tỷ lệ (C/D)
- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E)
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F)
- Số sinh E/F
- Nhân xét của Chuyên gia tính toán và phỏng vấn khả năng thanh toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp
- + Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp tăng mạnh do nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên từ lợi nhuận giữ lại

1. SVI fulfill the obligation of calculating technical reserve abided by law. Detail in Part II			
2. Report about Calculating Solvency Margin			
- SVI Solvency margin last period (C):	1,469.61 tỷ		
- Minimum Solvency margin last period (D):	157.19 tỷ		
- Compare C và D (Amount & Rate (C/D))	Difference amount : 1,312.42 tỷ	Tỷ lệ 935%	
- SVI Solvency Margin this period (E):	1,507.21 tỷ		
- Minimum Solvency Margin this period (F):	148.53 tỷ		
- Compare E/F:	Difference amount : 1,358.69 tỷ	Tỷ lệ 1015%	
Comment of actuary on the solvency of the enterprise and the change in the solvency margin of the enterprise:			
+ The solvency margin is Strong. Solvency ratio : 101.5% compared to the minimum solvency margin, increasing 80% compared to 2024.			
+ The solvency margin decreased mainly due to the increase of premium			

Năm 2025, không có bất kỳ vấn đề bất thường có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới tình hình tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm

In 2025, there is no irregular matter possibly affecting negatively to the financial situation of our company.

VII. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D.E.G.H.I. KHOẢN 1 VÀ ĐIỂM 3 KHOẢN 3 ĐIỀU 20 THÔNG TƯ NÀY (APPOINTED ACTUARY REPORT FOLLOW POINT D.E.G.H. CLAUSE 1 AND POINT C CLAUSE 3 ARTICLE 20 OF CIRCULAR 67)

- Báo cáo về các vấn đề ảnh hưởng bất lợi tới tình hình tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm
- Năm 2025, tỷ lệ bất thường của công ty bảo hiểm Samsung Vina là 30%, tỷ lệ bất thường này được đánh giá là trung bình, nằm trong vùng an toàn (cao hơn kế hoạch và giả định tính phí) và việc tính toán phí bảo hiểm là phù hợp
- Công ty Bảo Hiểm Samsung Vina có thực hiện tình toán biên khả năng thanh toán hàng tháng và định tài hàng quý, nằm ngoài báo cáo biên khả năng thanh toán gửi Bộ Tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Tỷ lệ biên khả năng thanh toán tại 31.12.2025 là 101.5% cả an toàn
- Xác nhận việc chuyển giao từ tài bảo hiểm trong yêu cầu trong các hợp đồng tài bảo hiểm
- Công ty bảo hiểm Samsung Vina có tỷ lệ phí bảo hiểm gửi lại khá thấp - 3% và nhượng tài bảo hiểm 95%. Với cấu trúc tài bảo hiểm nêu trên, rủi ro bảo hiểm đã được chuyển giao phù hợp cho các nhà tài bảo hiểm và đảm bảo an toàn tài chính cho công ty. Tỷ lệ gửi lại trên một đơn vị rủi ro của công ty tuân thủ quy định hiện hành pháp luật 10%
- Vấn đề sơ hâu theo quy định tại Nghị Định 46/2023/NĐ-CP
- Công ty có chương trình tài bảo hiểm phù hợp với năng lực tài chính và quy mô của công ty. Các hợp đồng tài bảo hiểm của công ty bao gồm :
 - + Hợp đồng tài bảo hiểm cổ phiếu (tỷ lệ và phí tỷ lệ)
 - + Hợp đồng tài bảo hiểm trái phiếu
 - + Hợp đồng vượt mức bồi thường trên cơ sở tăng rủi ro (XOL per risk) & Vượt mức bồi thường trên cơ sở sơ cớ & thảm họa (XOL/whole event)
 - Các nhà tài bảo hiểm đều có mức xếp hạng năng lực tài chính AMBEST từ mức B++ , có đủ năng lực tài chính theo quy định của pháp luật.
- Về Quan trị rủi ro
- Phái bộ hợp với bộ phận quản trị rủi ro, xây dựng, sử dụng các mô hình đánh giá và đo lường rủi ro để cảnh báo, nhận biết sớm rủi ro và nguy cơ vi phạm các hạn mức rủi ro, để xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro phát sinh (Thông qua hệ thống cảnh báo sớm rủi ro - OSRA). Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về tính chính xác và tính hợp lý các rủi ro (stress test).
- Công ty có cơ chế nhận dạng đo lường và đánh giá hạn mức rủi ro dựa trên "quy trình đánh giá rủi ro & biên khả năng thanh toán" Own Risk and Solvency Assessment (ORSA) và đã xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro từ năm 2014. Phương pháp đo lường rủi ro này được kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về tính chính xác và tính hợp lý bộ công ty me

- Report on issues that adversely affect the financial situation of the enterprise: none
- In 2025, the loss ratio of Samsung Vina insurance company is 30%, this ratio is considered quite medium, within the safe zone (higher than the plan and fee assumption), and the calculation insurance premium is appropriate.
- Samsung Vina Insurance Company has calculated solvency margin monthly and submitted quarterly and annual solvency margin reports to the Ministry of Finance in accordance with the provisions of law. The solvency margin ratio as of December 31, 2025 is 101.5%. This ratio is very safe.
- Confirming the transfer of key insurance risks in reinsurance contracts
- Samsung Vina Insurance Company has a relatively low retained premium ratio of ~3%, and ceded reinsurance of 95%. With the above reinsurance structure, insurance risks have been transferred appropriately to reinsurers and ensured financial security for the company, the retention rate per unit of risk of the company complies with Comply with current legal regulations of 10% of Equity as prescribed in Decree 46/2023/ND-CP.
- The company has a reinsurance program appropriate to the company's financial capacity and scale. The company's reinsurance contracts include:
 - + Treaty reinsurance contracts (proportional and non-proportional).
 - + Facilitative reinsurance contract
 - + Contract of excess of loss per-risk basis (XOL per risk) & excess of loss per event (XOL whole event)
- Reinsurers all have AMBEST financial capacity ratings ranging from B++, having sufficient financial capacity according to the provisions of law.
- About Risk Management
- Coordinate with the risk management department to build and use risk assessment and measurement models to warn and early identify risks and risks of violating risk limits, and propose measures, control, prevent and minimize arising risks (Through the early risk warning system - OSRA). Create scenarios to test tolerance to risks (stress test). The company has a mechanism to identify, measure and evaluate risk limits based on the "risk assessment process & solvency margin" Own Risk and Solvency Assessment (ORSA) and has built a risk early warning system since 2014. This risk measurement method is checked and evaluated annually for accuracy and reasonableness by the parent company.

